

Hướng dẫn giải và trả lời câu hỏi sách bài tập toán Kết nối tri thức (KNTT) lớp 3 tập 1 Bài 1: Ôn tập các số đến 1000 trang 5, 6 chính xác nhất, mời các em học sinh và phụ huynh tham khảo.

Giải VBT Toán lớp 3 KNTT Bài 1 Tiết 1 trang 5, 6

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 5 Bài 1: Viết số và cách đọc số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
3	7	5	375	ba trăm bảy mươi lăm
4	0	4		
7	3	1		
8	8	8		

Lời giải:

Viết số và đọc số lần lượt theo thứ tự các hàng trăm, chục, đơn vị

Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
3	7	5	375	ba trăm bảy mươi lăm
4	0	4	404	Bốn trăm linh bốn
7	3	1	731	Bảy trăm ba mươi một
8	8	8	888	Tám trăm tám mươi tám

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 5 Bài 2: Nói (theo mẫu).

Số gồm 7 trăm, 0 chục và 7 đơn vị.

984

Số gồm 2 trăm, 3 chục và 1 đơn vị.

555

Số gồm 5 trăm, 5 chục và 5 đơn vị.

707

Số gồm 9 trăm, 8 chục và 4 đơn vị.

231

Lời giải:

+ Số gồm 7 trăm, 0 chục và 7 đơn vị viết là 707.

+ Số gồm 2 trăm, 3 chục và 1 đơn vị viết là 231.

+ Số gồm 5 trăm, 5 chục và 5 đơn vị viết là 555.

+ Số gồm 9 trăm, 8 chục và 4 đơn vị viết là 984.

Ta nối như sau:

Số gồm 7 trăm, 0 chục và 7 đơn vị.

984

Số gồm 2 trăm, 3 chục và 1 đơn vị.

555

Số gồm 5 trăm, 5 chục và 5 đơn vị.

707

Số gồm 9 trăm, 8 chục và 4 đơn vị.

231

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 5 Bài 3: Viết các số dưới đây thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

$$139 = \dots\dots\dots$$

$$321 = \dots\dots\dots$$

$$803 = \dots\dots\dots$$

$$950 = \dots\dots\dots$$

$$777 = \dots\dots\dots$$

$$614 = \dots\dots\dots$$

Lời giải:

Xác định các hàng trăm, chục, đơn vị của mỗi số rồi viết chúng thành tổng.

+ Số 139 gồm 1 trăm, 3 chục, 9 đơn vị

$$\text{Do đó } 139 = 100 + 30 + 9.$$

+ Số 321 gồm 3 trăm, 2 chục, 1 đơn vị

$$\text{Do đó } 321 = 300 + 20 + 1.$$

+ Số 803 gồm 8 trăm, 3 đơn vị

$$\text{Do đó } 803 = 800 + 3.$$

+ Số 950 gồm 9 trăm, 5 chục

$$\text{Do đó } 950 = 900 + 50.$$

+ Số 777 gồm 7 trăm, 7 chục, 7 đơn vị

$$\text{Do đó } 777 = 700 + 70 + 7.$$

+ Số 614 gồm 6 trăm, 1 chục, 4 đơn vị

Do đó $614 = 600 + 10 + 4$.

Vậy ta điền vào như sau:

$139 = 100 + 30 + 9$

$321 = 300 + 20 + 1$

$803 = 800 + 3$

$950 = 900 + 50$

$777 = 700 + 70 + 7$

$614 = 600 + 10 + 4$

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 6 Bài 4: Số?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	120	
	500	
120		
		300

Lời giải:

- Số liền trước là những số đứng trước số đã cho và kém số đã cho 1 đơn vị.

- Số liền sau là những số đứng sau số đã cho và hơn số đã cho 1 đơn vị.

Ví dụ: Số đã cho là 120.

+ Số liền trước số 120 là số đứng trước số 120 và kém số 120 một đơn vị, số đó là 119;

+ Số liền sau số 120 là số đứng sau số 120 và hơn số 120 một đơn vị, số đó là 121.

Thực hiện tương tự với các số còn lại, ta điền vào bảng như sau:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
119	120	121
499	500	501
120	121	122
298	299	300

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 6 Bài 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm để được ba số liên tiếp.

a) 35;;

35;;

b); 40;

.....; 40;

Lời giải:

a) 35; 36; 37 (Ba số tự nhiên liên tiếp)

35; 37; 39 (Ba số lẻ liên tiếp)

b) 39; 40; 41 (Ba số tự nhiên liên tiếp)

30; 40; 50 (Ba số tròn chục liên tiếp)

Giải VBT Toán KNTT lớp 3 trang 6 Bài 1 Tiết 2

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 6 Bài 1: >, <, =

a) 770 707

989 990

1 000 999

b) 453 $400 + 50 + 3$

660 $600 + 50 + 9$

$300 + 10 + 9$ $300 + 20$

Lời giải:

Thực hiện tính toán và so sánh các cặp chữ số cùng hàng từ trái qua phải:

a) 770 707

989 990

1 000 999

b) 453 $400 + 50 + 3$

660 $600 + 50 + 9$

$$300 + 10 + 9 \quad \boxed{<} \quad 300 + 20$$

Giải thích:

a)

*) Số 770 và số 707 đều có chữ số hàng trăm là 7.

Số 770 có chữ số hàng chục là 7, số 707 có chữ số hàng chục là 0.

Do $7 > 0$ nên $770 > 707$.

*) Số 898 và số 990 đều có chữ số hàng trăm là 9.

Số 989 có chữ số hàng chục là 8, số 990 có chữ số hàng chục là 9.

Do $8 < 9$ nên $989 < 990$.

*) Số 1000 có 4 chữ số, số 999 có 3 chữ số. Do đó $1000 > 999$

b) + Ta có: $400 + 50 + 3 = 453$

Vậy $453 = 400 + 50 + 3$

+ Ta có: $600 + 50 + 9 = 659$

*) Số 660 và số 659 đều có chữ số hàng trăm là 6.

Số 660 có chữ số hàng chục là 6, số 659 có chữ số hàng chục là 5.

Do $6 > 5$ nên $660 > 659$ hay $660 > 600 + 50 + 9$.

+ Ta có: $300 + 10 + 9 = 319$; $300 + 20 = 320$.

*) Số 319 và số 320 đều có chữ số hàng trăm là 3.

Số 319 có chữ số hàng chục là 1, số 320 có chữ số hàng chục là 2.

Do $1 < 2$ nên $319 < 320$.

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 6 Bài 2: Số?

a)

400	401	402					407		409
-----	-----	-----	--	--	--	--	-----	--	-----

b)

900	899	898					893		891
-----	-----	-----	--	--	--	--	-----	--	-----

Lời giải:

a) Số đứng sau hơn số đứng trước 1 đơn vị. Cần đếm thêm 1 đơn vị (bắt đầu từ số 400) để điền số thích hợp vào ô trống.

400	401	402	403	404	405	406	407	408	409
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

b) Số đứng sau kém số đứng trước 1 đơn vị. Cần đếm lùi 1 đơn vị (bắt đầu từ số 900) để điền số thích hợp vào ô trống.

900	899	898	897	896	895	894	893	892	891
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 6 Bài 3: Viết các số 786, 768, 867, 687 theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé:

b) Từ bé đến lớn:

Lời giải:

* So sánh các số: 786, 768, 867, 687.

· Số 786 và số 768 đều có chữ số hàng trăm là 7.

Số 786 có chữ số hàng chục là 8, số 768 có chữ số hàng chục là 6.

Do $8 > 6$ nên $786 > 768$.

· Số 867 có chữ số hàng trăm là 8, số 687 có chữ số hàng trăm là 6.

Vậy $687 < 768 < 786 < 867$.

Vậy các số trên được sắp xếp các số theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé: 867; 786; 768; 687.

b) Từ bé đến lớn: 687; 768; 786; 867.

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 6 Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Ba con gấu có cân nặng lần lượt là 243 kg; 231 kg; 234 kg. Biết cân nặng gấu trắng nặng nhất, gấu nâu nhẹ hơn gấu đen. Vậy gấu trắng cân nặng ... kg, gấu nâu cân nặng ... kg, gấu đen cân nặng ... kg.

Lời giải:

Ta có: $243 > 234 > 231$.

Trong ba số trên số lớn nhất là 243, tương ứng với cân nặng của gấu trắng.

Gấu nâu nhẹ hơn gấu đen nên gấu nâu nhẹ nhất, tương ứng với cân nặng là 231 kg.

Gấu đen cân nặng 234 kg.

Ta điền như sau:

Ba con gấu có cân nặng lần lượt là 243 kg; 231 kg; 234 kg. Biết cân nặng gấu trắng nặng nhất, gấu nâu nhẹ hơn gấu đen. Vậy gấu trắng cân nặng 243 kg, gấu nâu cân nặng 231 kg, gấu đen cân nặng 234 kg